

Số: 05 /2019/QĐST-HNGĐ

Từ Sơn, ngày 11 tháng 1 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 130/2017/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2017 về việc “ *ly hôn*” giữa

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981, trú tại: Thôn P.K, xã P.K, thị xã T.S, Tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: anh Quách Cao B, sinh năm 1978, trú tại: Thôn P.K, xã P.K, thị xã T.S, Tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Bưu điện L.V chi nhánh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc ngân hàng Bưu Điện L.V. .

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Việt S1, chức vụ: giám đốc ngân hàng Bưu điện L.V chi nhánh Bắc Ninh.

Người được uỷ quyền lại: Ông Lê Đức D, chức vụ: Chuyên viên phòng khách hàng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 48, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 1 năm 2019

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn ngày 03 tháng 1 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 và anh Quách Cao B, sinh năm 1978

2.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Nguyễn Thị H và anh Quách Cao B thuận tình ly hôn.

- *Về Con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Quách Anh T, sinh ngày 23/09/2001 và cháu Quách Nguyễn Thảo V, sinh ngày 20/08/2005. Ly hôn vợ chồng thống nhất anh B trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu T và cháu V, các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ*: Các đương sự thống nhất, thỏa thuận: Anh B, chị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Bưu Điện L.V số tiền tạm tính đến ngày 03/1/2019 là 903.602.049 đồng (Chín trăm linh ba triệu, sáu trăm linh hai nghìn, không trăm bốn chín đồng) (trong đó nợ gốc là 650.000.000 đồng, nợ lãi là 253.602.049 đồng). Cụ thể anh B và chị H mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng Bưu Điện L.V số tiền tính đến ngày 03/1/2019 là 451.801.024đ trong đó gốc là 325.000.000đ, lãi là 126.801. 024đ và phải thanh toán toàn bộ số nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 04/1/2019 đến thời điểm thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Về phương án trả nợ cho Ngân hàng như sau: Đến ngày 01/7/2019, anh B, chị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Bưu Điện L.V toàn bộ số tiền gốc và lãi như trên.

Nếu trường hợp một trong các bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo phương án trả nợ nêu trên thì anh B và chị H đều đồng ý xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa đất số 166 tờ bản đồ số 21, diện tích 189m² tại Thôn T, T.S, Bắc Ninh vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02730 cho ông Quách Cao B để thu hồi nợ cho ngân hàng. Nếu anh B và chị H vi phạm bất kỳ thời hạn thanh toán nào thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

3. Về án phí:

Về án phí ly hôn sơ thẩm chị H tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận: Ngân hàng Bưu điện L.V tự nguyện chịu 9.777.015đ được trừ vào số tiền 18.743.552 đồng tiền Tạm ứng án phí mà Ngân hàng Bưu Điện L.V đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002006 ngày 07/12/2018 hoàn trả Ngân hàng Bưu Điện

L.V số tiền 8.966.537đ. Anh Quách Cao B và chị Nguyễn Thị H mỗi người tự nguyện chịu 4.888.507đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tổng số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và kinh doanh thương mại sơ thẩm mà chị Nguyễn Thị H phải nộp là 5.038.507 đồng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp tại biên lai số 03014 ngày 24/05/2017 Của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã T.S, chị H còn phải nộp 4.738.507 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKS thị xã T.S;
- THA T.S;
- Các đương sự;
- UBND xã P.K
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T.S

Thẩm phán

Nguyễn Tiến Hưng